

**TÒA ÁN N DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2022

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận

2. Bà Cù Thị Ngọc Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án N dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị A C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 372, Tổ 12, ấp P Y, xã P L, thị xã T C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ninh Đức N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 372, Tổ 12, ấp P Y, xã P L, thị xã T C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thái Thị A C trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Chị Thái Thị A C và anh Ninh Đức N kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn N do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/HT, cấp ngày 25/02/2014.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng tháng 04/2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N không chia sẻ, quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Chị A C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Ninh Đức N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị Thái Thị A C và anh Ninh Đức N có 01 (một) con chung tên: Ninh Thái M T, sinh ngày 17/4/2016, hiện đang sống chung với chị Ái Chân. Chị A C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thái Thị A C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ninh Đức N có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, ấp P Y, xã P L, thị xã T C, tỉnh An Giang. Anh N không có mặt tại nơi cư trú, mặc dù Tòa án không ghi được lời khai nhưng đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đồng thời lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị A C không có ý kiến.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn N: Chị Thái Thị A C được ly hôn với anh Ninh Đức N.

- Về con chung: Giao cháu Ninh Thái M T, sinh ngày 17/4/2016 cho chị A C được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thái Thị A C trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Thái Thị A C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Thái Thị A C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ninh Đức N có địa chỉ cư trú tại: Tổ 12, ấp P Y, xã P L, thị xã T C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh Ninh Đức N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn N: Chị Thái Thị A C và anh Ninh Đức N sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/HT, cấp ngày 25/02/2014 là hôn N hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng tháng 04/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị A C cho rằng anh N không chia sẻ, quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị Thái Thị A C yêu cầu được ly hôn với anh Ninh Đức N.

Xét thấy, anh Ninh Đức N không có bản tự khai, mặc khác do anh N thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh N nhưng theo biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai đương sự ngày 08/6/2022 và biên bản ghi lời khai đương sự ngày 24/6/2022 thì được biết chị A C và anh N sống chung không có hạnh phúc từ tháng 04/2022 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên và chị A C với anh N cũng đã nhiều lần có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử động viên chị A C đoàn tụ nhưng chị A C vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy hôn N giữa chị A C và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được nên cần cho A C ly hôn với anh N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn N và Gia đình năm 2014.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/HT cấp ngày 25/02/2014 do Ủy ban N dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Ninh Đức N và chị Thái Thị A C không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chị Thái Thị A C và anh Ninh Đức N có 01 (một) con chung tên: Ninh Thái M T, sinh ngày 17/4/2016. Hiện đang sống chung với chị Ái Chân. Chị A Cyêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ khi chị A C và anh N không còn chung sống với nhau, cháu Minh Thư do chị A C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo việc học hành, đã sinh sống ổn định với chị Ái Chân. Mặt khác, anh N không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần tạm giao cháu Minh Thư cho chị A C được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Thái Thị A C trình bày trong thời gian chung sống với anh Ninh Đức N không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung, nhưng do chưa ghi được lời khai của anh Ninh Đức N, ngoài lời khai của chị A C không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh chị A C với anh N có tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Thái Thị A C phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị A C.

1. *Về quan hệ hôn N:* Chị Thái Thị A C được ly hôn với anh Ninh Đức N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/HT, cấp ngày 25/02/2014 do Ủy ban N dân xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Ninh Đức N và chị Thái Thị A C không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ninh Thái M T, sinh ngày 17/4/2016 cho chị Thái Thị A C được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ninh Đức N không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thái Thị A C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Ninh Đức N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Thái Thị A C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006318 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Thái Thị A C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ninh Đức N được quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Phú Lộc, TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang

